

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ;

Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Ngoại vụ, Tài chính, Nội vụ, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo; Giám đốc Công an thành phố; Chủ tịch Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị; Giám đốc Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVII; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Ngoại giao;
- Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp - Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Các Sở, ban, ngành;
- Các cơ quan ngành dọc trên địa bàn thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND thành phố;
- Lưu: VT, TH, SNgV (03 bản). 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hoàng

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc
hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài
dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 68/2026/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam hoạt động trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

2. Các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại (sau đây gọi tắt là viện trợ) trên địa bàn thành phố Đồng Nai thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ là các tổ chức, cá nhân nước ngoài có thiện chí, tôn trọng và chấp hành luật pháp Việt Nam, bao gồm:

a) Các tổ chức quốc tế, tổ chức liên chính phủ, tổ chức chính phủ được chính phủ nước ngoài ủy quyền.

b) Các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, chính quyền địa phương nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam trực tiếp cung cấp khoản viện trợ hoặc ủy quyền cho các tổ chức pháp nhân nước ngoài quản lý các khoản viện trợ.

c) Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân được thành lập theo luật pháp nước ngoài.

d) Các cá nhân nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

đ) Các doanh nghiệp được thành lập theo luật pháp nước ngoài, không bao gồm các tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư.

e) Các tổ chức nghiên cứu và đào tạo được thành lập theo luật pháp nước ngoài (bao gồm cả các viện nghiên cứu, tổ chức hợp tác thuộc chính phủ nước ngoài).

3. Bên tiếp nhận viện trợ là các cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của các khoản viện trợ tiếp nhận gồm:

a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố.

b) Tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện được thành lập hợp pháp theo các quy định của pháp luật Việt Nam về hội.

c) Các tổ chức khoa học, công nghệ, trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thành lập theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tiếp nhận viện trợ khi đáp ứng: công khai giá trị, nội dung và mục tiêu khoản viện trợ; kết quả đầu ra của khoản viện trợ; thực hiện kiểm toán độc lập khoản viện trợ; không sử dụng vốn viện trợ vào hoạt động thương mại, phân chia lợi nhuận.

d) Doanh nghiệp xã hội thành lập và hoạt động trên địa bàn thành phố Đồng Nai tiếp nhận viện trợ để thực hiện mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường khi đáp ứng công khai giá trị, nội dung và mục tiêu khoản viện trợ, kết quả đầu ra của khoản viện trợ, thực hiện kiểm toán độc lập khoản viện trợ, không sử dụng vốn viện trợ vào hoạt động thương mại, phân chia lợi nhuận.

đ) Các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Cơ quan chủ quản” là Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai.

2. “Viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước” là các khoản viện trợ nếu bên tiếp nhận là các cơ quan, tổ chức:

a) Ủy ban nhân dân các xã, phường và các pháp nhân trực thuộc.

b) Các doanh nghiệp thuộc thành phố do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

c) Các đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý thu, chi theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 4. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ trên địa bàn thành phố Đồng Nai trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, đơn vị thực hiện.

2. Quản lý và sử dụng viện trợ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam. Các khoản viện trợ chỉ được tiếp nhận, thực hiện, sử dụng khi đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt. Nguồn tiền viện trợ phải là nguồn tiền, tài sản hợp pháp.

3. Không tiếp nhận những hàng hóa (kể cả vật tư, thiết bị) thuộc danh mục các mặt hàng cấm nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Dòng tiền tiếp nhận và chi ra cho khoản viện trợ phải được thực hiện thông qua tài khoản tiếp nhận viện trợ, bảo đảm tính công khai, minh bạch, được báo cáo đầy đủ theo quy định tại các Chương III, IV, V Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

5. Viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo nguyên tắc quản lý tài chính quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP phải được dự toán (trừ trường hợp vốn viện trợ do Bên cung cấp viện trợ trực tiếp quản lý và thực hiện giải ngân), hạch toán, quyết toán đầy đủ vào ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan. Việc lập dự toán, quyết toán các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện theo quy định tại Điều 63 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

6. Vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước được thực hiện tuân thủ theo các quy định về kế toán, thuế hiện hành; điều lệ hoạt động của Bên tiếp nhận viện trợ và không trái với các quy định của pháp luật Việt Nam.

7. Sau 06 tháng kể từ ngày khoản viện trợ được phê duyệt, trường hợp xuất hiện các yếu tố không phù hợp hoặc các nguyên nhân khác dẫn đến chưa thực hiện hoặc không thể tiếp tục thực hiện khoản viện trợ, trên cơ sở báo cáo của chủ khoản viện trợ, cơ quan chủ quản ra quyết định dừng tiếp nhận hoặc không tiếp tục thực hiện dự án, phi dự án. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm thông báo cho Bên cung cấp viện trợ và các cơ quan liên quan về quyết định dừng tiếp nhận khoản viện trợ.

Chương II

VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN VÀ KÝ KẾT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 5. Vận động viện trợ

1. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố là cơ quan đầu mối trong việc phát triển quan hệ hợp tác, vận động và điều phối viện trợ.

2. Hàng năm trước ngày 30 tháng 9, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố chủ trì phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng danh mục, định hướng vận động nguồn viện trợ phù hợp với chủ trương phát triển ngành, địa phương.

3. Trước ngày 30 tháng 10 hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào danh mục, định hướng vận động nguồn viện trợ của Ủy ban nhân dân thành phố, xác định và lập các dự án vận động nguồn viện trợ của cơ quan, đơn vị, địa phương, gửi về Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố.

4. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố tổng hợp danh mục dự án vận động vốn viện trợ từ các cơ quan, đơn vị, địa phương; chủ trì phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan thống nhất trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định ban hành danh mục các dự án vận động viện trợ của thành phố trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

5. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan tiếp xúc và vận động các cơ quan, tổ chức nước ngoài trên cơ sở danh mục dự án vận động viện trợ đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

6. Đối với các hoạt động vận động cứu trợ khẩn cấp, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Sở Ngoại vụ, Công an thành phố và địa phương có thiên tai căn cứ vào mức độ thiệt hại cụ thể về người, tài sản, có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để kêu gọi viện trợ khẩn cấp.

7. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị và cá nhân chủ động tham gia vận động, đàm phán viện trợ đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Vận động viện trợ căn cứ theo danh mục các dự án ưu tiên vận động viện trợ hàng năm và năng lực của cơ quan dự kiến tiếp nhận viện trợ.

b) Đối với các dự án ngoài danh mục ưu tiên, cơ quan vận động viện trợ phải báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai (thông qua Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố) xem xét, quyết định về nhà tài trợ, dự kiến, mục đích, nội dung chủ yếu của chương trình, dự án dự định kêu gọi, vận động, đàm phán; trường hợp có nhiều cơ quan, tổ chức dự kiến vận động cùng một dự án, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xác định cơ quan chủ trì đầu mối xây dựng dự án và kêu gọi vận động viện trợ.

Điều 6. Đàm phán, ký kết khoản viện trợ

1. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố chủ trì, phối hợp với đơn vị vận động viện trợ và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện đàm phán các khoản viện trợ.

2. Sau khi kết thúc đàm phán các khoản viện trợ, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố chủ trì, phối hợp Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn chủ khoản viện trợ, bên cung cấp viện trợ về nội dung, hình thức, trình tự để lập văn kiện dự án, phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Chủ khoản viện trợ gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án, phi dự án đến Sở Tài chính thẩm định theo quy định.

Chương III

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, QUẢN LÝ CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt khoản viện trợ

1. Thẩm quyền phê duyệt các khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt các khoản viện trợ triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố Đồng Nai đối với các đối tượng tại khoản 3 Điều 2 Quy chế này.

Điều 8. Hồ sơ khoản viện trợ và cơ quan tiếp nhận hồ sơ

Hồ sơ khoản viện trợ được lập thành 03 (ba) bộ, các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt và Chủ khoản viện trợ chịu trách nhiệm về nội dung bản gốc và bản dịch tiếng Việt của tài liệu.

1. Hồ sơ dự án gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt dự án.

b) Cam kết viện trợ của Bên cung cấp viện trợ.

c) Văn kiện dự án.

d) Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân; trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài thì không cần giấy tờ quy định tại điểm này;

Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn hiệu lực;

Đối với các Bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao có chứng thực giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.

2. Hồ sơ phi dự án gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt phi dự án.

b) Cam kết viện trợ của Bên cung cấp viện trợ.

c) Văn kiện khoản viện trợ phi dự án do chủ khoản viện trợ phối hợp với Bên cung cấp viện trợ xây dựng, bao gồm các nội dung chủ yếu: Mục đích, nội dung, danh mục hàng hóa (đối với khoản viện trợ bằng hàng hóa, hiện vật), kết quả dự kiến của khoản viện trợ; thời gian thực hiện; trị giá của khoản viện trợ phi dự án; phương thức tổ chức thực hiện; hình thức tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện; phần vốn Bên cung cấp viện trợ trực tiếp thực hiện hoặc ủy thác một bên thứ ba thực hiện; phần vốn phía Việt Nam thực hiện và cơ chế phối hợp

trong quá trình thực hiện; nghĩa vụ báo cáo kết quả sau khi tiếp nhận, sử dụng viện trợ.

d) Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân; trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương thì không cần giấy tờ quy định tại điểm này;

Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn hiệu lực;

Đối với các bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao có chứng thực giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.

đ) Đối với các khoản viện trợ phi dự án thực hiện theo hình thức cung cấp chuyên gia, hồ sơ khoản viện trợ bao gồm: các tài liệu nêu tại các điểm a, b, c, d khoản này; sơ lược lý lịch chuyên gia có cam kết chịu trách nhiệm đối với thông tin cung cấp của chuyên gia; chương trình hoạt động; giấy phép lao động và các giấy tờ pháp lý về hoạt động chuyên môn của chuyên gia theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Văn kiện dự án, phi dự án được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục I, II, III kèm theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng, hồ sơ được lập theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư xây dựng công trình.

5. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Sở Tài chính.

Điều 9. Cơ quan chủ trì thẩm định

1. Sở Tài chính là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Các đơn vị tham gia thẩm định khoản viện trợ gồm: Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Công an thành phố, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố và các cơ quan, đơn vị, địa phương tùy thuộc vào việc liên quan đến khoản viện trợ đó.

3. Tùy thuộc vào quy mô, tính chất nội dung dự án, Sở Tài chính có thể mời các cơ quan chuyên môn ở Trung ương và địa phương, các tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ thẩm định dự án.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định có liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

Điều 10. Trình tự và thời hạn thẩm định khoản viện trợ

1. Tổ chức thẩm định

a) Sau khi nhận đủ số bộ hồ sơ hợp lệ, tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của khoản viện trợ, Sở Tài chính tổ chức thẩm định bằng hình thức tổng hợp ý kiến hoặc tổ chức hội nghị thẩm định.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận văn bản lấy ý kiến của Sở Tài chính kèm theo hồ sơ khoản viện trợ, các đơn vị nghiên cứu nội dung hồ sơ có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Tài chính. Quá thời gian quy định mà đơn vị chưa có ý kiến xem như thống nhất, quá trình thực hiện nếu có phát sinh vấn đề liên quan thì đơn vị đó hoàn toàn chịu trách nhiệm.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi hết thời hạn lấy ý kiến thẩm định các đơn vị, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến của các đơn vị, lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt khoản viện trợ. Trường hợp ý kiến các đơn vị chưa có sự thống nhất, Sở Tài chính tổ chức họp mời các đơn vị liên quan thống nhất nội dung báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Phê duyệt các khoản viện trợ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thẩm định của Sở Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt hoặc không phê duyệt khoản viện trợ.

3. Thông báo kết quả phê duyệt

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định phê duyệt khoản viện trợ, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm gửi quyết định phê duyệt kèm theo văn kiện, chương trình dự án, thỏa thuận viện trợ cụ thể, hồ sơ viện trợ phi dự án về Bộ Tài chính, Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, các Sở: Tài chính, Ngoại vụ, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố, chủ khoản viện trợ và các cơ quan liên quan theo quy định.

4. Đối với khoản viện trợ khắc phục hậu quả nêu tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt mà không bắt buộc phải lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.

5. Nội dung thẩm định:

a) Tính phù hợp của mục tiêu, mục đích tiếp nhận khoản viện trợ với mục tiêu phát triển cụ thể của ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng khoản viện trợ.

b) Tư cách pháp nhân của các Bên cung cấp viện trợ và Bên tiếp nhận viện trợ và tính hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam của các tổ chức, cá nhân có liên quan; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của bên tiếp nhận viện trợ.

c) Khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của Chủ khoản viện trợ; khả năng đóng góp vốn đối ứng của địa phương.

d) Tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của khoản viện trợ dành cho các hạng mục chủ yếu của dự án, phi dự án.

đ) Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia.

e) Hiệu quả, tác động về kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự xã hội, khả năng vận dụng kết quả dự án vào thực tiễn và tính bền vững của khoản viện trợ sau khi kết thúc; hiệu quả sử dụng khoản viện trợ.

6. Thời hạn thẩm định không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

7. Căn cứ kết quả thẩm định, người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án.

Trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo cơ quan chủ quản và gửi thông báo tới Chủ khoản viện trợ. Cơ quan chủ quản thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ.

Điều 11. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án trong quá trình thực hiện

1. Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án viện trợ trong các trường hợp sau:

a) Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các dự án viện trợ trước đây đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung không làm cho dự án trở thành một trong các trường hợp thuộc quyền xem xét phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án viện trợ gồm có:

a) Văn bản đề nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án của chủ khoản viện trợ.

b) Báo cáo tình hình thực hiện dự án từ khi được phê duyệt đến thời điểm nộp hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.

c) Các tài liệu khác có liên quan.

d) Hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung được lập thành 03 bộ tài liệu.

3. Việc tổ chức thẩm định, trình duyệt thực hiện tương tự như quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 12. Tổ chức quản lý dự án

Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện dự án, năng lực tổ chức quản lý dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý dự án sau:

1. Sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực quản lý và thực hiện dự án đối với dự án quy mô từ 300.000 USD (ba trăm nghìn đô la Mỹ) trở xuống.

2. Sử dụng Ban quản lý đang hoạt động để quản lý dự án mới.

3. Thành lập Ban quản lý riêng cho từng dự án.

4. Trường hợp Bên cung cấp viện trợ trực tiếp quản lý toàn bộ dự án, phi dự án: Trường hợp nội dung Văn kiện dự án, phi dự án quy định nhà tài trợ nước ngoài trực tiếp quản lý toàn bộ dự án, phi dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ cho đơn vị thuộc, trực thuộc phối hợp với Bên cung cấp viện trợ giám sát tiến độ và chất lượng, khai thác và sử dụng các kết quả đầu ra của dự án, phi dự án.

5. Trường hợp Bên cung cấp viện trợ trực tiếp quản lý một phần dự án, phi dự án: Trường hợp nội dung Văn kiện dự án, phi dự án quy định Bên cung cấp viện trợ trực tiếp quản lý một phần dự án và phía Việt Nam quản lý phần còn lại, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định hình thức thành lập Ban quản lý dự án để quản lý phần việc do phía Việt Nam đảm nhận theo quy định hiện hành của Việt Nam và cam kết với Bên cung cấp viện trợ.

6. Đối với dự án đầu tư: thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công và quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 13. Quản lý tài chính viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Mở tài khoản cho dự án sử dụng vốn viện trợ: Chủ khoản viện trợ thực hiện mở tài khoản cho dự án theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền:

a) Đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Chủ dự án thực hiện kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XVII theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước; trình tự, thủ tục kiểm soát chi, hạch toán, ghi thu ghi chi thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và theo quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

b) Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Việc hạch toán, kế toán, quyết toán thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

5. Vốn đối ứng.

a) Vốn đối ứng là khoản vốn đóng góp của phía Việt Nam (bằng hiện vật hoặc tiền) để tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ.

b) Các khoản viện trợ được bố trí vốn đối ứng theo nhu cầu hoặc cam kết với Bên cung cấp viện trợ: Bên tiếp nhận viện trợ đề xuất cụ thể nhu cầu vốn đối ứng trong văn kiện dự án, phi dự án trình thẩm định, phê duyệt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt khoản viện trợ trong đó quyết định về mức vốn

đối ứng bố trí. Việc bố trí vốn đối ứng cho khoản viện trợ thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

c) Nguồn vốn đối ứng: Nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, chủ khoản viện trợ tự bố trí, vốn đóng góp của đối tượng thụ hưởng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa: Việc tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

7. Thuế, kiểm toán các khoản viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 14. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai

1. Có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt việc sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn thành phố.

2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn thành phố.

Điều 15. Sở Ngoại vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về hoạt động của Bên cung cấp viện trợ theo quy định.

2. Tham mưu đề xuất những chủ trương, chính sách đối ngoại liên quan đến hoạt động của các Bên cung cấp viện trợ và sử dụng viện trợ trên địa bàn thành phố.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai công tác tuyên truyền, hướng dẫn các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về công tác viện trợ theo quy định.

4. Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xác minh thông tin Bên cung cấp viện trợ trong trường hợp Bên cung cấp viện trợ là các cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam.

5. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 16. Sở Tài chính

1. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố,

xem xét, quyết định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố khả năng cân đối bố trí vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách thành phố đối với các khoản viện trợ có nhu cầu sử dụng nguồn vốn đối ứng là vốn đầu tư công đã được phê duyệt theo quy định pháp luật về đầu tư công.

3. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến thẩm định gửi Bộ Tài chính đối với các khoản viện trợ trên địa bàn thành phố thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

4. Thực hiện theo khoản 2 Điều 4 Thông tư số 23/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về tài chính đối với các dự án viện trợ trên địa bàn thành phố; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Tài chính việc sử dụng viện trợ trên địa bàn thành phố theo quy định; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra, giám sát việc sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn thành phố.

5. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 17. Sở Nội vụ

1. Tham gia thẩm định và có ý kiến đối với các khoản viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo quy định.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách pháp luật đối với người lao động Việt Nam làm việc cho các dự án do các cơ quan, tổ chức nước ngoài tài trợ trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

3. Thực hiện quản lý nhà nước về lao động nước ngoài; cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động và xác nhận không thuộc diện cấp Giấy phép lao động đối với người nước ngoài làm việc tại các dự án do các cơ quan, tổ chức nước ngoài tài trợ trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật lao động và Nghị định số 219/2025/NĐ-CP quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

4. Phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng viện trợ của các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật trên địa bàn thành phố.

5. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 18. Sở Xây dựng

1. Tham gia thẩm định và có ý kiến đối với các khoản viện trợ có cấu phần xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên

ngành quản lý bao gồm: dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ trong đô thị theo địa giới đô thị xác định tại quy hoạch đô thị; dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông.

2. Hướng dẫn chủ dự án thực hiện thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

3. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 19. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Tham gia thẩm định và có ý kiến đối với các khoản viện trợ nước ngoài liên quan lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và môi trường trên địa bàn thành phố; các khoản viện trợ có cấu phần xây dựng đối với các dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Tham gia giám sát việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ có liên quan đến lĩnh vực phụ trách theo quy định.

3. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 20. Sở Công Thương

1. Tham gia thẩm định và có ý kiến đối với các khoản viện trợ nước ngoài liên quan lĩnh vực chuyên ngành phụ trách, các khoản viện trợ có cấu phần xây dựng đối với các dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý).

2. Tham gia giám sát việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ có liên quan đến lĩnh vực phụ trách theo quy định.

3. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 21. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế

1. Tham gia thẩm định và có ý kiến đối với các khoản viện trợ nước ngoài liên quan thuộc phạm vi quản lý, phụ trách, các khoản viện trợ có cấu phần xây dựng đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế được giao quản lý.

2. Tham gia giám sát việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ có liên quan đến lĩnh vực phụ trách theo quy định.

3. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 22. Sở Dân tộc và Tôn giáo

1. Tham gia thẩm định và có ý kiến đối với các khoản viện trợ nước ngoài liên quan lĩnh vực dân tộc và tôn giáo trên địa bàn thành phố.
2. Chủ trì, hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị thực hiện đường lối, chính sách dân tộc và tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.
3. Tham gia giám sát việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ có liên quan đến lĩnh vực dân tộc và tôn giáo theo quy định.
4. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 23. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố là cơ quan đầu mối trong công tác phát triển quan hệ hợp tác, vận động và điều phối viện trợ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng định hướng thu hút, vận động nguồn vốn viện trợ và hướng dẫn xây dựng các dự án cần kêu gọi viện trợ, chương trình xúc tiến vận động viện trợ hàng năm trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.
2. Hướng dẫn Chủ khoản viện trợ về nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục ký kết, hồ sơ thẩm định phê duyệt khoản viện trợ.
3. Tiến hành tiếp xúc, vận động và điều phối viện trợ trên cơ sở các danh mục dự án, chương trình đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.
4. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố tiến hành kêu gọi cứu trợ khẩn cấp của các cơ quan, tổ chức nước ngoài khi gặp thiên tai và trong các trường hợp khẩn cấp khác theo chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố.
5. Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.
6. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 24. Kho bạc Nhà nước Khu vực XVII

1. Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, tổ chức về quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ theo quy định.
2. Thực hiện công tác quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với các hoạt động kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu, ghi chi đối với các khoản viện trợ theo quy định.

Điều 25. Công an thành phố

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực nhập cảnh, xuất cảnh, lưu trú của cá nhân, tổ chức nước ngoài đến thực hiện dự án do cơ quan, tổ chức nước ngoài viện trợ theo quy định.

2. Tham gia thẩm định về mặt an ninh đối với hoạt động và các chương trình dự án viện trợ của các cơ quan, tổ chức nước ngoài.

3. Hướng dẫn các cơ quan liên quan thực hiện đúng các quy định của Nhà nước trong quan hệ, tiếp xúc, làm việc với người nước ngoài; bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế và bảo vệ bí mật Nhà nước.

4. Tham gia giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ, đặc biệt chú trọng tới khía cạnh tác động đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

5. Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 26. Chủ khoản viện trợ

1. Tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện dự án trên cơ sở quyết định của cơ quan chủ quản. Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ, vốn đối ứng của dự án. Trường hợp không thành lập Ban quản lý dự án, chủ khoản viện trợ phải mở tài khoản để tiếp nhận và giải ngân khoản viện trợ tại kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam. Thực hiện các hoạt động thu, chi cho khoản viện trợ qua tài khoản trên cơ sở kế hoạch tài chính đã được phê duyệt.

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng dự toán thu chi ngân sách nhà nước hàng năm đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thực hiện công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

c) Giám sát việc thực hiện các hợp đồng và xử lý vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền.

d) Thực hiện giám sát và đánh giá dự án.

2. Chịu trách nhiệm hạch toán, quyết toán, báo cáo đầy đủ các nguồn vốn, tài sản tiếp nhận và sử dụng.

3. Chịu trách nhiệm về thất thoát, lãng phí, tham nhũng và sai phạm thuộc thẩm quyền trong công tác tổ chức quản lý thực hiện dự án, phi dự án gây thiệt hại về kinh tế, xã hội, môi trường, ảnh hưởng đến mục tiêu và hiệu quả chung của dự án.

4. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Thực hiện tiếp nhận, triển khai và quản lý, sử dụng các khoản viện trợ theo quy định. Không để xảy ra trường hợp tiếp nhận khoản viện trợ chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Đối với các khoản viện trợ được các cơ quan Trung ương tiếp nhận theo thẩm quyền, phân bổ về địa phương cần

kịp thời báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Tài chính) trước khi phối hợp thực hiện.

2. Tham gia thẩm định hoặc đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực, địa bàn phụ trách khi được cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu.

3. Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, triển khai thực hiện và quản lý các khoản viện trợ theo quy định.

4. Chủ động xây dựng danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi vận động viện trợ gửi về Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

5. Có trách nhiệm tiếp nhận, sử dụng và quản lý nguồn vốn, tài sản của bên tài trợ theo nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Chế độ thông tin báo cáo

1. Chủ khoản viện trợ, Chủ dự án hoặc Ban Quản lý dự án viện trợ (nếu có) có trách nhiệm báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện giải ngân khoản viện trợ 06 tháng và hàng năm cho cơ quan chủ quản (thông qua Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ); báo cáo kết thúc khoản viện trợ phải gửi cơ quan chủ quản (thông qua Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ) chậm nhất không quá 05 tháng sau khi kết thúc thực hiện.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả vận động, tiếp nhận viện trợ; tình hình giải ngân, sử dụng viện trợ; tình hình thực hiện, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ gửi Bộ Tài chính chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm tiếp sau. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo kết thúc khoản viện trợ cho Bộ Tài chính trong vòng 06 tháng sau khi kết thúc khoản viện trợ.

3. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố có trách nhiệm báo cáo kết quả tình hình vận động, thu hút viện trợ 06 tháng (trước ngày 01 tháng 7) và báo cáo năm (trước ngày 05 tháng 12) gửi về Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ) để tổng hợp báo cáo.

4. Sở Nội vụ có trách nhiệm báo cáo tình hình cấp phép, quản lý lao động cho người nước ngoài làm việc cho bên cung cấp viện trợ trên địa bàn thành phố định kỳ hàng năm (trước ngày 05 tháng 12) gửi về Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Ngoại vụ) để tổng hợp.

5. Công an thành phố có trách nhiệm báo cáo các vấn đề liên quan đến an ninh, chính trị, xuất nhập cảnh, lưu trú của bên cung cấp viện trợ định kỳ hàng năm (trước ngày 05 tháng 12) gửi về Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Ngoại vụ) để tổng hợp báo cáo.

6. Sở Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm báo cáo các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo của bên cung cấp viện trợ định kỳ hàng năm (trước ngày 05 tháng 12) gửi về Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Ngoại vụ) để tổng hợp.

7. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo kết quả thực hiện các khoản viện trợ của bên cung cấp viện trợ lồng ghép trong báo cáo tình hình hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài định kỳ hàng năm (chậm nhất ngày 18 tháng 12) hoặc khi có yêu cầu gửi Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo Mẫu số 04 quy định tại Nghị định số 58/2022/NĐ-CP về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các đơn vị và các Chủ khoản viện trợ gửi ý kiến bằng văn bản tới Sở Ngoại vụ tổng hợp, đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.